TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/DS-PT
Ngày: 02 - 8 - 2018
V/v " Tranh chấp đòi lại QSDĐ,
hủy giấy chứng nhận QSDĐ
và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc
thực hiện quyền của người sử dụng đất "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Tăng Thị Thúy Nga**
- *Các Thẩm phán*: 1. Ông **Nguyễn Văn Dũ.**
2. Ông **Nguyễn Văn Toàn.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trung An** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông **Trần Văn Nghiệp** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 31 tháng 7 năm 2018 và ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2018/TLPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc *" Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất "*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST, ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà L1, sinh năm 1939 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực x, ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T1, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Bà M1 sinh năm 1944 (vắng mặt).

Địa chỉ: 68/1 Khu vực x, ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông G1 sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: 68/1 Khu vực x, ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại theo ủy quyền: Ông D1- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông P1, sinh năm 1971 (vắng mặt).

3. Ông G1 sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu vực x, ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông C, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 302 Khu vực m, ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bà Tr1 sinh năm 1983(vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

6. Ông H1 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 175 Khu vực x, ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng*:

1. Ông NLC 1– Cán bộ Địa chính và Môi trường thị trấn A, huyện X (vắng mặt).

2. Ông NLC 2, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà NLC3, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 235, ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bà NLC4, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: 136, Khu vực x, ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bà NLC5, sinh năm 1938 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 92, ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

6. Ông NLC6, (vắng mặt).

7. Ông NLC7, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

8. Ông NLC8, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

9. Ông NLC9, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 46, Khu vực x, ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

10. Ông NLC10, sinh năm 1962 (vắng mặt).

11. Ông NLC11, sinh năm 1958 (vắng mặt).

12. Bà NLC12, sinh năm 1941 (vắng mặt).

13. Ông NLC13, (vắng mặt).

14. Bà NLC14, (vắng mặt).

15. Ông NLC15, sinh năm 1962 (vắng mặt).

16. Ông NLC16, sinh năm 1953 (vắng mặt).

17. Ông NLC17, sinh năm 1958 (vắng mặt).

18. Ông NLC18, sinh năm 1963 (vắng mặt).

19. Bà NLC19, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 4/8/2015 và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn bà L1 trình bày: vợ chồng bà có phần đất thuộc thửa số 786, tờ bản đồ số 02 (số cũ), diện tích 374m^2, tọa lạc tại ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Nguồn gốc phần đất này là do cha mẹ bà mua của bà B2 trước năm 1975. Năm 1975 vợ chồng bà canh tác phần đất này đến năm 1998 thì chồng bà là ông D1 được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi chồng bà chết, bà và các con làm giấy phân chia tài sản thừa kế, giao cho bà toàn quyền sử dụng thửa đất này. Ngày 29/4/2009 bà làm đơn xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 22/6/2010 bà được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 442m^2, số thửa 202, tờ bản đồ số 4 (số mới).

Bà M1 có đất giáp ranh với đất của bà, trong quá trình sử dụng bà M1 tự ý cắm trụ đá chiếm dụng 95m^2 đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà tại thửa đất số 202. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M1 trả lại cho bà phần đất lấn chiếm nêu trên, bà M1 phải tự đập phá, tháo dở bờ kè đã xây dựng trên đất của bà.

- Bị đơn bà M1 trình bày: Vào ngày 26/10/1996 bà được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng bốn thửa đất với diện tích là 28.417m^2, đất tọa lạc tại ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, trong đó có thửa số 02, tờ bản đồ số 02 diện tích là 12.321m^2 giáp với thửa 786 (số mới là 202) của bà L1. Thửa đất này (thửa số 02) bà sử dụng liên tục từ năm 1956 cho đến nay nhưng không hiểu vì lý do gì mà bà L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L1.

Ngày 30/6/2017 đại diện bà M1 là ông G1 có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00058 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho bà L1 ngày 22/6/2010 và buộc bà L1 chấm dứt hành vi ngăn cản việc thực hiện quyền của người sử dụng đất đối với thửa số 02 của bà.

- Tại công văn số 348/UBND.VP ngày 16/9/2016, công văn số 174/UBND.VP ngày 10/5/2017, công văn số 21/UBND.VP ngày 17/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện X xác định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L1 và

và M1 là đúng quy định pháp luật của đất đai lúc bấy giờ; ủy ban không có cơ sở trả lời phần diện tích tăng thêm 68m^2 đất của bà L1 là ở vị trí nào, giáp với ai; đối chiếu với biên bản thẩm tra tài sản, sơ đồ hiện trạng của Tòa án thì phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 202 của bà L1.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST, ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 9, khoản 14 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158, 163 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 203, Điều 12, khoản 1 Điều 26, khoản 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L1 về việc yêu cầu bà M1 trả lại đất lấn chiếm có diện tích 87,6m^2, đất tọa lạc tại ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (trong đơn khởi kiện bà L1 nêu là thửa 202, tờ bản đồ số 4), tứ cạnh:

Hướng đông bắc giáp lộ đal đường đi vào DT có số đo 4,1m + 3,1m;

Hướng tây nam giáp đất Bà L1, NLC13, (N2 cất nhà) có số đo 4,16m + 1,25m;

Hướng tây bắc giáp đất bà M1 có số đo 9,2m;

Hướng đông nam giáp đất bà L1 có số đo 15,7m.

Kèm theo bản án là Biên bản thẩm tra tài sản và sơ đồ hiện trạng đất tranh chấp ngày 23/10/2017.

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà M1.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 316860 (số vào sổ CH00058) do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho bà L1 ngày 22/6/2010, đối với thửa số 202, tờ bản đồ số 4, diện tích 442m^2.

3/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà M1 về việc yêu cầu bà L1 chấm dứt hành vi ngăn cản việc thực hiện quyền của người sử dụng đất của bà.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 2/4/2018 nguyên đơn bà L1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST, ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; đồng thời, phát biểu quan điểm về nội

dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hướng hủy một phần giấy chứng nhận chứ không hủy toàn bộ như án sơ thẩm tuyên..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung:

[1] Phần đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L1 thuộc một phần thửa đất số 202 (số thửa đất cũ là thửa 95), diện tích thực tế 87,6m^2, thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Bà L1 cho rằng phần đất này là đường mương nước lạng của gia đình bà nhưng bà M1 xây bờ kè chiếm đất của bà nên bà L1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình bà M1 trả lại quyền sử dụng đất có diện tích 87,6m^2 cho bà và tháo dỡ bờ kè. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện X tuyên xử không chấp nhận đơn khởi kiện đòi lại đất của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và đình chỉ một phần đối với phần bị đơn rút yêu cầu.

Sau khi án sơ thẩm tuyên nguyên đơn bà L1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu bị đơn.

[2] Về phần đất tranh chấp:

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/10/2017 phần đất tranh chấp có diện tích 87,6m^2, thửa 202, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, tứ cạnh:

Hướng đông bắc giáp lộ đal đường đi vào DT có số đo 4,1m + 3,1m;

Hướng tây nam giáp đất Bà L1, NLC13, (N2 cất nhà) có số đo 4,6m + 1,25m;

Hướng tây bắc giáp đất bà M1 có số đo 9,2m;

Hướng đông nam giáp đất bà L1 có số đo 15,7m.

[3] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp:

Ông T1 là người đại diện hợp pháp của bà L1 trình bày: phần đất tranh chấp có nguồn gốc là do gia đình bà L1 mua trước năm 1975, sử dụng ổn định và hiện nay bà L1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này. Còn ông G1 là người đại diện hợp pháp của bà bà M1 cho rằng phần đất này có nguồn gốc là do cha

chồng bà M1 khai phá từ năm 1956, gia đình sử dụng ổn định và hiện nay bà M1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này.

Xét thấy, ông D1 và bà L1 có được nhiều thửa đất từ việc thừa kế của ba mẹ, trong đó có thửa 786, tờ bản đồ số 02 (số cũ), diện tích 374m^2, mục đích sử dụng Hg, đất tọa lạc ấp A, xã A (nay là thị trấn A), huyện X ; thửa đất này ông D1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 7/3/1998. Ngày 14/7/2008 ông D1 chết. Ngày 5/5/2009 bà L1 và các con làm văn bản phân chia tài sản thừa kế, giao cho bà L1 được toàn quyền sử dụng các thửa đất do vợ chồng bà L1 tạo lập, trong đó có thửa 786, ngày 29/4/2009 bà L1 làm đơn xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cùng ngày ông NLC1 là cán bộ địa chính xã A tiến hành lập biên bản xác minh về nguồn gốc, kích thước và đo đạc cắm mốc ranh giới đất đai, diện tích cấp đổi tăng thêm là 68m^2 (từ 374m^2 lên thành 442m^2), lý do trước đây đo đạc sai ranh thiếu diện tích, biên bản có chữ ký của một số người giáp ranh là bà NLC12, ông H và bà M1, biên bản được Ủy ban nhân dân xã A xác nhận ngày 3/5/2009 là đất đủ điều kiện cho đăng ký, đến ngày 22/6/2010 bà L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 442m^2, thuộc thửa 202, tờ bản đồ số 4 (số mới).

Tại công văn số 74/UBND.VP ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện X về việc trả lời theo công văn số 181/CV.TA ngày 11/4/20174 thì Ủy ban nhân dân huyện X không xác định được phần đất tăng thêm 68m^2 là nằm ở vị trí nào, giáp với ai.

Ông NLC1 nguyên cán bộ địa chính xã thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông D1 chuyển quyền cho bà L1 trình bày: Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đổi của bà L1 thì diện tích tăng thêm 68m^2 là không biết vì lý do gì, nằm ở vị trí nào, giáp với ai thì ông không rõ, việc này chỉ có người sử dụng đất mới biết, ông lập biên bản rồi giao cho gia đình đem cho người có đất giáp ranh ký (bút lục 81, 82, 370, 371).

Theo kết quả xác minh của Tòa án và tại phiên tòa thì người đem biên bản xác minh của xã cho người giáp ranh ký là ông NLC9, con bà L1; ông NLC9 xác định chữ ký H là do con rể N2 ký thay cho ông H, còn chữ ký M1 do ông NLC11 ký thay cho bà M1, còn chữ ký NLC 12 ông không nhớ do ai ký.

Tại các biên bản xác minh, ông NLC11 cho là ông không ký tên, còn bà NLC 12 cho là bà không có ký tên vì bà không biết chữ (bút lục 293, 294). Trước đây ông T1 có yêu cầu giám định chữ ký "M1" do NLC 11 ký nhưng Tòa án không thu được mẫu chữ ký vì NLC 11 không cung cấp. Tại phiên tòa, ông T1 không yêu cầu giám định nữa.

Ngoài ra, theo biên bản xác minh của cán bộ địa chính thì phần đất bà L1 đăng ký ở phía đông giáp đến 5 người là ông B, V, P, H, NLC 12, nhưng ông B, V, P không có ký tên (bút lục 134). Theo ông T1, hiện nay gia đình ông đang tranh chấp quyền sử dụng đất với những hộ giáp ranh này.

Ủy ban nhân nhân thị trấn A xác nhận đất đủ điều kiện đăng ký vào ngày 3/5/2009 là ngày chủ nhật là không phù hợp pháp luật (bút lục 124).

Như vậy, cấp sơ thẩm nhận định về trình tự, thủ tục đăng ký, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L1 là không phù hợp pháp luật là có căn cứ.

[4] Về quá trình sử dụng đất tranh chấp: Bà L1 và ông T1 cho rằng đất có nguồn gốc là do gia đình mua lại của bà B2 trước năm 1975, gia đình sử dụng liên tục vào việc làm bao ngạn, có cho ông T2 mượn một hai năm để nuôi cá nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh về quá trình sử dụng đất đang tranh chấp của gia đình ông; theo kết quả xác minh những người làm chứng do ông T1 cung cấp là bà NLC4, bà NLC5, bà B3 đều xác định không rõ khu đất, ranh đất giữa bà L1 với bà M1.

Tại Biên bản làm việc ngày 12/5/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn A và các biên bản thẩm định của Tòa án ngày 02/10/2015, ngày 01/6/2017 và ngày 23/10/2017 thì hướng đông nam ngay tại hai đầu đất đang tranh chấp của bà L1 và bà M1 (ngay hai đầu bờ kè mà gia đình bà M1 xây dựng) có hai trụ đá. Theo yêu cầu của bà L1, ngày 11/05/2015 Ủy ban nhân dân thị trấn A tổ chức hòa giải, tại buổi hòa giải, Hội đồng hòa giải đã kết luận: Qua khảo sát thực tế phần khiếu nại tranh chấp đã có thể hiện ranh đất đo đạc năm 2008, đồng thời bà L1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo ranh đo đạc, đo đó không thể giải quyết theo đơn của bà L1. Bà L1 xác nhận trụ ranh cắm cọc vào năm 2008 (cắm lúc đoàn đo đạc chính quy). Theo các biên bản xác minh của Tòa án thì các thành viên của Hội đồng hòa giải đã xác định tại buổi hòa giải bà L1 thừa nhận hai trụ đá này do các bên cắm cọc khi đoàn đo đạc chính quy xuống đo đạc năm 2008. Đây là cơ sở quan trọng để xác định trước đây các bên đã cắm trụ đá làm ranh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1 là ông T1 cho rằng trụ đá cạnh bờ tre hiện còn trụ trên đường đal là cọc ranh, còn trụ cạnh góc bờ kè không phải là cọc ranh nhưng không không xác định được ai cặm, cặm lúc nào, và không lý giải được việc cặm trụ đá cạnh bờ tre để làm cọc ranh phân định giữa đất của gia đình ông với đất của ai và phân định như thế nào vì hướng đông nam của phần đất tranh chấp giáp đất của nguyên đơn và hướng đông bắc giáp lộ đal và cặp đường đal này là phần đất của bà M1.

Do bà L1 không chứng minh được nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình bà đối với phần đất tranh chấp, trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L1 vào năm 2010 đối với phần đất tăng thêm là chưa phù hợp pháp luật, trên phần đất tranh chấp các bên đã cắm cọc làm ranh từ năm 2008, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện củ bà L1 yêu cầu bà M1 trả lại quyền sử dụng đất lấn chiếm với diện tích 87,6m^2 là có căn cứ theo quy định tại Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là Điều 185 của Bộ luật dân sự 2015), Điều 166 của Luật đất đai năm 2013. Do yêu cầu đòi lại đất của bà L1 không được chấp nhận nên việc bà L1 yêu cầu bà M1 tháo dỡ bờ kè trả lại đất cho bà L1 cũng không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm tại trang 10, dòng thứ 9- 10 từ dưới đếm lên phần tứ cạnh ghi nhầm số đo, cụ thể : "Hướng tây nam giáp đất Bà L1, NLC13, (N2 cất nhà) có số đo 4,16m + 1,25m" là chưa đúng nay điều chỉnh lại cho đúng là "Hướng tây nam giáp đất Bà L1, NLC13, (N2 cất nhà) có số đo 4,6m + 1,25m". Đồng thời, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là yêu cầu phản tố nên việc cấp sơ thẩm xác định yêu cầu này là yêu cầu phản tố là chưa đúng và giữa nguyên đơn và bị đơn chỉ tranh chấp diện tích 87,6m^2 thuộc một phần của thửa đất số 202, tờ bản đồ số 4 nêu trên (thửa đất có tổng diện tích 442m^2) nhưng

cấp sơ thẩm giải quyết hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ nên cần sửa lại cho phù hợp theo hướng chấp nhận một phần đơn yêu cầu của bị đơn, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 87,6m^2.

[3.1] Tại tòa vị Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[4] Mặc dù kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nhưng bản án sơ thẩm bị sửa một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà L1.

2/- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST, ngày 20 tháng 03 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ vào khoản 9, khoản 14 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158, 163 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 203, Điều 12, khoản 1 Điều 26, khoản 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L1 về việc yêu cầu bà M1 trả lại đất lấn chiếm có diện tích 87,6m^2, đất tọa lạc tại ấp A, thị trấn A, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (trong đơn khởi kiện bà L1 nêu là thửa 202, tờ bản đồ số 4), tứ cạnh:

Hướng đông bắc giáp lộ đal đường đi vào DT có số đo 4,1m + 3,1m;

Hướng tây nam giáp đất Bà L1, NLC13, (N2 cất nhà) có số đo 4,6m + 1,25m;

Hướng tây bắc giáp đất bà M1 có số đo 9,2m;

Hướng đông nam giáp đất bà L1 có số đo 15,7m.

Kèm theo bản án là Biên bản thẩm tra tài sản và sơ đồ hiện trạng đất tranh chấp ngày 23/10/2017.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu của bà M1:

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 316860 (số vào sổ CH00058) do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho bà L1 ngày 22/6/2010, đối với thửa số 202, tờ bản đồ số 4, diện tích 87,6m^2 có vị trí:

Hướng đông bắc giáp lộ đal đường đi vào DT có số đo 4,1m + 3,1m;

Hướng tây nam giáp đất Bà L1, NLC13, (N2 cất nhà) có số đo 4,6m + 1,25m;

Hướng tây bắc giáp đất bà M1 có số đo 9,2m;

Hướng đông nam giáp đất bà L1 có số đo 15,7m.

3/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà M1 về việc yêu cầu bà L1 chấm dứt hành vi ngăn cản việc thực hiện quyền của người sử dụng đất của bà.

4/ Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

5/- Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn L1 không phải chịu.

6/- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7/- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Sóc Trăng;*
- *TAND huyện X;*
- *Chi cục THADS huyện X;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS (TDS).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Thị Thúy Nga